

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Bình Sơn**

**GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC BÌNH SƠN**

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định 709/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Bình Sơn;

Căn cứ Quyết định số 3092/QĐ-SYT ngày 15/9/2026 của Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ kinh phí thực hiện Đề án phát triển nguồn nhân lực y tế tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 19/8/2022).

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tổ chức hành chính – Kế hoạch tổng hợp – Điều dưỡng Bệnh viện Đa khoa Khu vực Bình Sơn.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Bình Sơn (theo biểu số 74 đính kèm)

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Phòng Tổ chức hành chính – Kế hoạch tổng hợp – Điều dưỡng và các khoa, phòng của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Bình Sơn chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban giám đốc;
- Lưu KHTH; VT.



Mẫu biểu số 74

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: Bệnh viện Đa khoa Khu vực Bình Sơn

Chương: 423

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số 613 /QĐ-BVĐKKVBS ngày 02/10/2026

của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Bình Sơn)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

| STT        | Nội dung                                                                                         | Dự toán được giao |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 1          | 2                                                                                                | 3                 |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>                                               |                   |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                                                        |                   |
| 1          | Lệ phí                                                                                           |                   |
| 2          | Phí                                                                                              |                   |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>                                                          |                   |
| <b>1</b>   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>                                                    |                   |
| a          | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                                |                   |
| b          | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                          |                   |
| <b>2</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                                                    |                   |
| a          | Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ                                                            |                   |
| b          | Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ                                                      |                   |
| <b>III</b> | <b>Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b>                      |                   |
| <b>1</b>   | <b>Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ</b>                                            |                   |
|            | Lệ phí                                                                                           |                   |
|            | Lệ phí                                                                                           |                   |
| <b>2</b>   | <b>Phí</b>                                                                                       |                   |
|            | Phí                                                                                              |                   |
|            | Phí                                                                                              |                   |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                                                            | <b>70</b>         |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                                                                | <b>70</b>         |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                                                    |                   |
| 1.1        | Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ                                                            |                   |
| 1.2        | Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ                                                      |                   |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b>                      |                   |
| 2.1        | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ                                                   |                   |
|            | - Nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ       |                   |
|            | - Nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ |                   |

| STT        | Nội dung                                                                                                                                                | Dự toán được giao |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 2.2        | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                                                                                       |                   |
| 2.3        | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                                                                                 |                   |
|            | - Nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo                                                                                                        |                   |
|            | - Nhiệm vụ chuyển đổi số                                                                                                                                |                   |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo</b>                                                                                                                  |                   |
| 3.1        | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                                                                                       |                   |
| 3.2        | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                                                                                 |                   |
| <b>4</b>   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>                                                                                                           | <b>70</b>         |
| 4.1        | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                                                                                       |                   |
| 4.2        | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                                                                                 | 70                |
|            | Kinh phí thực hiện Đề án phát triển nguồn nhân lực y tế tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 19/8/2022) | 70                |
| <b>5</b>   | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                                                                                                                               |                   |
| 5.1        | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                                                                                       |                   |
| 5.2        | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                                                                                 |                   |
| <b>6</b>   | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                                                                                                                            |                   |
| 6.1        | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                                                                                       |                   |
| 6.2        | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                                                                                 |                   |
| <b>7</b>   | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                                                                                                                  |                   |
| 7.1        | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                                                                                       |                   |
| 7.2        | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                                                                                 |                   |
| <b>8</b>   | <b>Chi sự nghiệp văn hoá thông tin</b>                                                                                                                  |                   |
| 8.1        | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                                                                                       |                   |
| 8.2        | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                                                                                 |                   |
| <b>9</b>   | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>                                                                                                 |                   |
| 9.1        | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                                                                                       |                   |
| 9.2        | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                                                                                 |                   |
| <b>10</b>  | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                                                                                                                   |                   |
| 10.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                                                                                       |                   |
| 10.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                                                                                 |                   |
| <b>II</b>  | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>                                                                                                                               |                   |
| <b>III</b> | <b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>                                                                                                                          |                   |

Ngày 02 tháng 10 năm 2026,

Thủ trưởng đơn vị *nhc*

(Chữ ký, dấu)



Võ Hùng Viễn